

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Kho bạc Nhà nước**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Kho bạc Nhà nước là đơn vị thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về quỹ ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ tài chính; ngân quỹ nhà nước; tổng kế toán nhà nước; thực hiện việc huy động vốn cho ngân sách nhà nước thông qua hình thức phát hành công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường vốn trong nước theo quy định của pháp luật.

2. Kho bạc Nhà nước có tư cách pháp nhân, con dấu có hình Quốc huy, được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương

mại theo quy định của pháp luật, có trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Kho bạc Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính đề:

a) Trình Chính phủ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Bộ đã được phê duyệt và các nghị quyết, dự án, đề án theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo quyết định, chỉ thị, chiến lược, quy hoạch, chương trình hành động, đề án, dự án quan trọng thuộc lĩnh vực quản lý của Kho bạc Nhà nước.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định dự thảo thông tư và các văn bản khác về lĩnh vực quản lý của Kho bạc Nhà nước.

3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản cá biệt thuộc phạm vi quản lý của Kho bạc Nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án thuộc phạm vi quản lý của Kho bạc Nhà nước sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt.

5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực quản lý của Kho bạc Nhà nước.

6. Quản lý quỹ ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ tài chính, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tiền và tài sản được giao quản lý theo quy định của pháp luật:

a) Tập trung và phản ánh đầy đủ, kịp thời các khoản thu ngân sách nhà nước; tổ chức thực hiện việc thu nộp vào quỹ ngân sách nhà nước các khoản tiền của các đơn vị, tổ chức và cá nhân nộp qua hệ thống Kho bạc Nhà nước; thực hiện hạch toán số thu ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Hướng dẫn và thực hiện thanh toán, chi trả các khoản chi của ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác được giao theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện gửi toàn bộ số ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; thực hiện mua, bán ngoại tệ để đáp ứng nhu cầu chi của ngân quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật; định kỳ xác định và thông báo tỷ giá hạch toán phục vụ cho việc hạch toán các khoản thu, chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ;

d) Quản lý, kiểm soát và thực hiện nhập, xuất quỹ dự trữ tài chính nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Kho bạc Nhà nước quản lý; quản lý các khoản tạm thu, tạm giữ, tịch thu, ký cược, ký quỹ, thế chấp theo

quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Quản lý tiền mặt (tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ), giấy tờ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý, tài sản khác của Nhà nước và của các đơn vị gửi tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

7. Được trích tài khoản của đơn vị, tổ chức mở tại Kho bạc Nhà nước để nộp ngân sách nhà nước hoặc áp dụng các biện pháp hành chính khác để thu cho ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; được từ chối tạm ứng, thanh toán các khoản chi không đúng, không đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức thực hiện công tác kế toán ngân sách nhà nước

a) Hạch toán kế toán ngân sách nhà nước, các quỹ và tài sản của Nhà nước được giao quản lý, các khoản viện trợ, vay nợ, trả nợ của Chính phủ và chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước cho cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật.

9. Tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính để trình cơ quan có thẩm quyền báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức quản lý công tác thanh toán của hệ thống Kho bạc Nhà nước.

11. Tổ chức thực hiện tổng kế toán nhà nước

a) Tiếp nhận thông tin báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán thuộc khu vực nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Tổng hợp thông tin tài chính nhà nước về tình hình tài sản nhà nước; nguồn vốn và nợ phải trả của Nhà nước; tình hình hoạt động, kết quả thu, chi ngân sách nhà nước; vốn nhà nước tại các doanh nghiệp và các tài sản, nguồn lực, nghĩa vụ khác của Nhà nước;

c) Lập báo cáo tài chính nhà nước hằng năm trình Bộ trưởng Bộ Tài chính báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

12. Tổ chức thực hiện công tác thống kê kho bạc nhà nước và chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật.

13. Tổ chức quản lý ngân quỹ nhà nước tập trung, thống nhất trong toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước

a) Mở, quản lý tài khoản đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có giao dịch với Kho bạc Nhà nước;

b) Quản lý việc mở, sử dụng tài khoản của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức quản lý, sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi và thực hiện các biện pháp xử lý ngân quỹ nhà nước tạm thời thiếu hụt theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức dự báo luồng tiền và quản lý rủi ro đối với hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

14. Tổ chức huy động vốn cho ngân sách nhà nước thông qua hình thức phát hành công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường vốn trong nước; thanh toán gốc, lãi công cụ nợ của Chính phủ và các chi phí có liên quan; thực hiện các nghiệp vụ tái cơ cấu danh mục công cụ nợ Chính phủ phát hành tại thị trường vốn trong nước thông qua mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của pháp luật.

15. Thanh tra chuyên ngành, kiểm tra, kiểm toán nội bộ; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi quản lý nhà nước của Kho bạc Nhà nước; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng tài sản, kinh phí được giao theo quy định của pháp luật.

16. Hiện đại hóa hoạt động Kho bạc Nhà nước

a) Xây dựng cơ chế, chính sách; ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý, an toàn bảo mật, quy chế vận hành phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn của Việt Nam;

b) Xây dựng, tổ chức quản trị và vận hành các hệ thống công nghệ thông tin và chuyển đổi số, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ quản lý tiên tiến, hiện đại hoá cơ sở vật chất phục vụ hoạt động nghiệp vụ của hệ thống Kho bạc Nhà nước.

17. Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định của pháp luật.

18. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, người lao động; vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch; quyết định luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật; chế độ chính sách; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

19. Quản lý kinh phí do ngân sách nhà nước cấp; các khoản thu, chi từ hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước và các tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

20. Thực hiện công tác pháp chế theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài chính; thực hiện cải cách hành chính trong hoạt động Kho bạc Nhà nước theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

21. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Tài chính giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

Kho bạc Nhà nước được tổ chức từ Trung ương đến địa phương theo mô

hình 02 cấp.

1. Kho bạc Nhà nước có 10 đơn vị tại Trung ương:

- a) Ban Chính sách - Pháp chế;
- b) Ban Kế toán Nhà nước;
- c) Ban Quản lý ngân quỹ;
- d) Ban Tổ chức cán bộ;
- đ) Ban Tài vụ - Quản trị;
- e) Ban Quản lý hệ thống thanh toán;
- g) Ban Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số;
- h) Ban Giao dịch;
- i) Thanh tra Kho bạc Nhà nước;
- k) Văn phòng.

Các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này là tổ chức hành chính giúp Giám đốc Kho bạc Nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước, trong đó các tổ chức quy định từ điểm e đến điểm k có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Ban Quản lý hệ thống thanh toán có 03 tổ, Ban Kế toán Nhà nước có 04 tổ, Ban Quản lý ngân quỹ có 04 tổ, Ban Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số có 05 tổ, Ban Giao dịch có 02 tổ, Thanh tra Kho bạc Nhà nước có 04 tổ và Văn phòng có 05 tổ.

2. Kho bạc Nhà nước tại địa phương được tổ chức theo 20 khu vực.

Tên gọi, trụ sở và địa bàn quản lý của các Kho bạc Nhà nước khu vực theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Kho bạc Nhà nước khu vực được tổ chức bình quân không quá 10 phòng tham mưu, giúp việc và 350 Phòng Giao dịch.

Kho bạc Nhà nước khu vực, Phòng Giao dịch có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

3. Giám đốc Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm:

- a) Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước khu vực;
- b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Ban, Văn phòng, Thanh tra thuộc Kho bạc Nhà nước.

Điều 4. Lãnh đạo Kho bạc Nhà nước

1. Kho bạc Nhà nước có Giám đốc và một số Phó Giám đốc.

2. Giám đốc Kho bạc Nhà nước là người đứng đầu Kho bạc Nhà nước, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Kho bạc Nhà nước. Phó Giám đốc Kho bạc Nhà nước chịu trách

nhiệm trước Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kho bạc Nhà nước (sau khi tổ chức lại theo mô hình Cục) có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước đang được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, các hướng dẫn, quy trình, quy chế của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho đến khi cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản này.

2. Giám đốc Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức, sắp xếp để các đơn vị thuộc và trực thuộc Kho bạc Nhà nước đi vào hoạt động theo mô hình mới trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025. Giám đốc Kho bạc Nhà nước căn cứ các quy định tại Quyết định này tổ chức thực hiện theo mô hình mới đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- VP Đảng ủy, Công đoàn;
- Công TTĐT của Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ TCCB. (45b)

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thắng

Phụ lục

**TÊN GỌI, TRỤ SỞ VÀ ĐỊA BÀN QUẢN LÝ
CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 385/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài chính)

STT	Tên đơn vị	Địa bàn quản lý	Trụ sở chính
1	Kho bạc Nhà nước khu vực I	Hà Nội	Hà Nội
2	Kho bạc Nhà nước khu vực II	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh
3	Kho bạc Nhà nước khu vực III	Hải Phòng, Quảng Ninh	Hải Phòng
4	Kho bạc Nhà nước khu vực IV	Hung Yên, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình	Hung Yên
5	Kho bạc Nhà nước khu vực V	Bắc Ninh, Hải Dương, Thái Bình	Hải Dương
6	Kho bạc Nhà nước khu vực VI	Bắc Giang, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Cao Bằng	Bắc Giang
7	Kho bạc Nhà nước khu vực VII	Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang	Thái Nguyên
8	Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai	Phú Thọ
9	Kho bạc Nhà nước khu vực IX	Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu	Điện Biên
10	Kho bạc Nhà nước khu vực X	Thanh Hóa, Nghệ An	Thanh Hóa
11	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị	Hà Tĩnh
12	Kho bạc Nhà nước khu vực XII	Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi	Quảng Nam
13	Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Lâm Đồng	Khánh Hòa
14	Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông	Gia Lai
15	Kho bạc Nhà nước khu vực XV	Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu
16	Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh	Bình Dương
17	Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long	Long An
18	Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	Trà Vinh, Bến Tre, Sóc Trăng	Trà Vinh
19	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Hậu Giang	Cần Thơ
20	Kho bạc Nhà nước khu vực XX	Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu	Kiên Giang